

SỐ 1706

NHÂN VƯƠNG HỘ QUỐC BÁT NHÃ KINH SỞ THẦN BẢO KÝ

BÀI TỰ

Nói thông kinh dễ chú thích khó là đối Phật. Chú thích dễ thông kinh khó là đối tổ. Ngu tôi chẳng dám đối đạo của Phật, tổ, mà hoặc có kỹ thuật chú thích cũng đều chỉ là vì duyên vậy. Trước kia số kinh này (tức quyển số giải thích kinh Nhân vương của Trí giả Đại Sư, số 1705) truyền bá ở Nhật Bản. Rốt cuộc trao cho những người đi thuyền buôn. Giáo pháp này thịnh suy, qua lại khó khăn nguy hiểm như vậy, xin đem bài tựa của cảnh Vu Tiên sinh sau thời ông Triều Văn Nguyên (bài tựa quyển số 1705. Nhân Vương Hộ Quốc Vương Bát-nhã Kinh Sở của Trí Giả Đại Sư). Thời này vua Thánh tướng hiền là lúc tôn giáo được đề cao, xem kinh pháp này thật là quốc bảo, nhưng lại chưa có kỹ thuật, làm cho giáo môn bị thiệt sót mức tiêu chuẩn. Một ngày, một vị Quảng Sư ở chiếu khánh tên là Hành Bản ôm sách này (quyển số 1705) đến gặp tổ: Ở Linh Sơn, khách làm lễ xong rồi nói: Xin viết kỹ thuật giải thích thâm để phát huy sách này. tôi từ chối không được, bất đắc dĩ cầm đem về phương đông, ngày rảnh rồi đốt hương, đánh chuông, lật quyển nhiều lần xem ý chỉ, có kẻ nói rằng: Khó lắm thay! Chẳng dám biết đến! Lần lửa qua năm cái học dở dang, chí lụn tàn, thế rồi chẳng dám đụng đến. Có kẻ khuyến khích rằng: Đây cũng là một thịnh sự tông giáo, khiến cho thấy rõ nghĩa, chẳng làm ác, cố gắng lên! Tôi nói: Dạ vâng! Rồi thử viết xem chưa dám cho đây là hay tốt. Viết soạn xong, đặt tên sách này là Thần bảo ký, mong người thông suốt phủ chính cho, ngỏ hầu cho mọi người, ngày càng phụng hành phát triển nền tảng vậy thôi.

Thiện Định, năm Canh Dần, ngày Trung Nguyên.

Thiện Nguyệt viết tựa.

SỐ 1706

PHẬT THUYẾT NHÂN VƯƠNG HỘ QUỐC BÁT NHÃ KINH SỐ THẦN BẢO KÝ

Tứ Minh, Sa Môn Bách Đình Thiện Nguyệt Thuật

QUYỂN 1

Chú: Kinh này có hai tên, tên ở cuối kinh là “Long Bảo Thần Vương”, nay trích ra hai chữ để đặt tên cho quyển sách giải thích này. vì có thuyết nói Luân Vương ra đời có “Thần Bảo” tự nhiên đến. Cho nên đặt tên như vậy.

Danh gia phái Thiên Thai, thật thì lấy việc truyền tông làm gốc, còn việc giải thích kinh là việc phụ. Nhờ đức Phật tâm tông mà phát xoay tổng trì. Hễ giải thích một kinh hay chú thích một nghĩa đều có phép tắc, bởi thế quyển giải thích này chia ra hai phần:

1. Bàn về nghĩa chính.
2. Theo văn giải thích.

Hễ các ý chỉ chính của kinh, ắt tìm tòi ở tại đầu đề, giải thích kinh này, dùng năm lớp Huyền nghĩa, đó là: Danh, Thể, Tông, Dụng, giáo tương. Hễ là pháp ắt phải có Thể, Thể là cái thật của pháp, còn gọi là chủ là Ấn. Nếu được Ấn thì pháp ấy, đáng được tin nhận, nếu không thì chỉ là Tà giáo ngoại đạo mà thôi. Tông là hiển rõ cái cốt yếu của Thể, lấy Nhân quả làm tông thì Thể được cái cốt yếu của nó. Thể hiển rõ mà có Dụng, có đủ bốn thứ này thuyết ra mà thành giáo, giáo thì tánh biệt Tiểu và Đại, Bán và Mãn, Đốn và Tiệm, quyền và thật, đó là Tướng, chi tiết như văn của quyển Pháp Hoa Huyền Nghĩa đã nói.

Đoạn từ câu “Kinh này lấy người và pháp...” là kể ra năm nghĩa của kinh này. lấy con người và pháp làm tên; nghĩa là năng thuyết kiêm với pháp Sở thuyết mà đặt tên cho kinh này. theo sau sẽ nói về đề tên của các kinh thì có ba thứ; người, pháp, dụ. Dùng riêng lẻ một thứ hoặc dùng hai thứ và cả ba thứ để đặt tên kinh...

“Thật tướng làm Thể”: Hễ chư Đại thừa đều chỉ chung cho một Thật Tướng Ấn làm Thể. Dùng ba Đức mà nói thì kinh này để gọi tên là Bát-nhã thì có đủ cả ba nghĩa, vừa đúng với thật tướng Bát-nhã tức là Thể của pháp, Thân Tính Đức. Thể ất quy về nhất mà chẳng lìa Tông và Dụng bởi thế mới có nghĩa ly và hợp.

“Tự Hành Nhân quả làm Tông”: Nghĩa là Tông ất phải dựa theo Hành mà có Nhân quả. Theo Thể mà nói, đây là Quán chiếu Bát-nhã thì tự hành. Bắt đầu Nhân cho đến cuối cùng Quả, đều là Bát-nhã.

“Hà Trí Quyền và Thật làm Dụng”, mà Dụng vốn giải thoát, đây là văn tự Bát-nhã, bởi chiếu dụng làm nghĩa. Hai trí tiến và thủ làm dụng.

“Đại thừa thực tô làm giáo tướng”: Nghĩa là các Bộ Bát-nhã dung thông các pháp, sán lọc Nhị thừa thành là Thực ích tướng. Kinh này là một trong những bộ kinh Bát-nhã đó.

“Danh có thông và biệt”: Đề tên của kinh gồm có mười hai chữ, kiêm luôn “Tự phẩm đệ nhất” thì có đủ cả ba thông và biệt, như văn nói. Lại nữa, hai chữ “Phật thuyết” là Thông (chung), những chữ còn lại là Biệt (riêng) có thể biết vậy.

“Ngôn Phật giả...” là phần giải thích đề kinh, nghĩa là Phật là người Năng thuyết. Phật có đủ mười đức, mười hiệu, giác là một trong mười đức đó. Giác có nghĩa của tự giác, giác tha, giác mãn. Tám biện tuyên sớng là Thuyết. “Tám âm”; như giải thích thông thường. Theo giải thích của cuốn khởi Tín luận; một âm vừa diễn, các loài đều hiển như nhau.

“Nhân vươngng...”; là pháp sở thuyết. Bốn chữ đầu tiên “Nhân vươngng Hộ quốc” chính là phát khởi cả một cuốn kinh. Nhân vươngng là Đế vươngng có đạo xưa nay. Ở đây giải thích thì thi ân rải đức là Nhân, thống hóa tự tại là Vương, đó chỉ là thấy cái Đức dụng của nó mà thôi, nếu xét cho cùng cái đạo đó thì như thế vẫn chưa đủ, văn của quyển sớ có đủ cả bốn giải thích.

1. *Nhân duyên*: hễ các sự nghĩa, cho đến cơ ứng, năng sở đều là Nhân Duyên.

“Hộ Quốc”: Có năng Hộ và Sở Hộ. Gồm có ba nghĩa: 1. Lấy

vương làm Năng hộ, Quốc làm Sở hộ thì lấy vương đạo làm trị quốc. 2. Lấy Bát-nhã làm năng hộ, vương là Sở hộ thì do nhờ trì Bát-nhã nên vương và quốc đều được an ổn. 3. Lấy vương làm Năng Hoàng, pháp làm Sở Hoàng thì gọi là người hoàng đạo. Tuy thông cả ba nghĩa nhưng thật thì lấy nghĩa thứ hai Bát-nhã làm năng hộ là chính, hai nghĩa kia chỉ là trợ giúp giải thích mà thôi.

Từ “Hựu Nhân vương...” là dựa theo chữ mà giải thích.

“Nhân là Nhân”; còn có nghĩa là bao hàm cả Hoàng, nghĩa là Đức ấy có thể bao hàm cả hoàng đạo. Chẳng ngay lúc vui giận mà phát thì ắt sẽ trúng tiết, sẽ thấy được sự nhân hậu của người đó.

2. Dựa theo giáo mà giải thích: Giáo môn Thiên thai lấy tạng, Thông, Biệt, Viên làm cương mục để giải thích nghĩa, cho nên một nghĩa văn đều phải dựa theo bốn giáo này để phân biệt cạn sâu thì ý chỉ giáo mới có chỗ quy về, cơ và giải sẽ không bị sai lầm. Nếu dựa theo ý chỉ của các bộ kinh xưa nay thì lại có chia ra từng nghĩa. Văn lại chia ra bốn phần, mỗi một phần đều có hai cách giải thích. 1. Dựa theo giáo mà giảng về ý chỉ. 2. Giải thích theo văn. Đầu tiên là nói về Tạng giáo; nếu thấy chư pháp sanh thì tạng thuyên sanh diệt, pháp chẳng tức không ắt phải tách chiết nó ra cho đến diệt hội về không, cho nên sanh tức là Hữu, diệt tức là không; không thì lục trần đều dung chứa, đó là nghĩa của quốc, cho nên là bất động chuyển giải thích theo văn thì Quốc an mà vương thái.

“Nhi thừa sở đắc vi vương”: là vị quả theo nhân nhưng thật thì nhân kiêm cả quả. Về phần “Thổ” thì có thể biết. Còn ba phần thì theo cách trên mà giải thích.

Thông giáo thì thuyên giảng rằng chư pháp; sắc tức là không. Khác với cách phân tách Thể của tạng giáo, cho nên là bất sanh diệt, thảy đều như huyền hóa, phiền não tam giới đồng một lúc đoạn trừ ngay, đây là nói theo quả, nếu nói theo Nhân thì cũng vẫn thông với tạng giáo là theo thứ tự mà đoạn trừ.

Từ câu “Trú ở ngoại giới...” là dựa theo văn mà giải thích Biệt giáo thuyên giảng thứ đệ của ba Đế. Nói về không thì chẳng khác với thông giáo, vì sắc vô biên cho nên đẳng với giả, tuy là vô biên nhưng cùng với tâm chẳng phương ngại Trung. Nếu căn cứ vào giáo đạo chỉ nên ngang đây mà nói pháp của vô biên ở tại nhất tâm thì tựa như phương ngại ý chỉ đã thuyên giảng, nay dùng hai nghĩa để dung thông điều đó: 1. Theo tâm năng tạo là đúng, chẳng phương ngại, tại tâm cũng dung thông, nhưng pháp sở tạo thì sai, thẳng thể dung thông với Sắc;

2. Dựa theo trú quả mà chẳng tại nhân, như nói bát địa nhập vô cộng dụng đạo hiện mười loại thân là đúng, cũng chẳng phương ngại thuyết của giáo đạo.

“Từ ở sơ địa...” là giải thích theo văn. Câu “bất động chuyển mà năng động chuyển, tức là Bồ-tát thập địa trong kinh Hoa nghiêm, tùy lực, tùy phần mà trú trong Thập Độ. Chữ “Lục” e là viết nhầm, đúng phải là chữ “Thập”

Từ “Nếu quán...”: là viên giáo thuyên nghĩa: Vì chư pháp vốn chỉ là lý tính, cho nên vô sinh diệt. Bởi vì thấy rõ sự và lý có đủ trong một niệm. Tuy vô sinh diệt mà sinh diệt hiện rõ. Duy sinh diệt hiện rõ, tức là dựa theo tục, gọi đó là chiếu. Vốn vô sanh diệt, tức là dựa theo chơn, gọi đó là vọng. Đây là vừa chiếu chơn chiếu tục, gọi đó là chiếu. Vừa ngăn chơn ngăn tục, gọi đó là vọng, tức là vọng chiếu và ngăn trước kia, chiếu cái ngăn và chiếu trước kia, vọng và chiếu đều không thể đắc mà khế với trung đạo. Vì cả ba đều gọi tên là Tính, cho nên nói rộng lớn như pháp tính. Vì cả ba đều bất động, cho nên rốt cuộc như hư không, từ câu “Từ Sơ Trú...” là dựa theo phần chơn cứu cánh để giải thích những nghĩa của “Trú quốc, xưng vương”. Từ câu “Lại nữa, Tam tạng...” là dựa chung vào nhân quả của bốn giáo (Tạng, Thông, Biệt, Viên) để xác định được hay chẳng được gọi là Nhân vương tức là theo tam tạng giáo đắc trí quả, nhờ đã tận hết hoặc, được gọi là Nhân vương, ngoài ra đều chưa thể gọi là Nhân vương chỉ hợp gọi là vương chứ chẳng nhân. Thông giáo thì ngoại trừ Phật quả, đều có thể gọi chung là vương. Tam giáo chỉ gọi là tiểu vương, cái gọi là Nhị Tam tiểu vương, xem phẩm lý thương.

Câu “Đương tự có ưu liệt”: nghĩa là mỗi mỗi đều nhìn theo giáo của nó mà nói thì hai chữ “Nhân vương” tự có hơn kém, cho nên nói là “Chẳng Nhân thì vương”, tức là hơn kém... Lại nữa, nói theo đời tục thì có kẻ Nhân mà chẳng vương, chưa từng có người bất Nhân mà vương. Bất nhân mà vương thì như vua Kiệt vua Trụ vậy.

3. *Giải thích theo bốn tích*: có hai thuyết: Bốn tích xa xưa thì chỉ ở tại pháp hĩa kinh, tích môn còn chẳng nghe được, huống nữa là ở các bộ kinh khác. Ngoài ra, trong tích chỉ có thể mượn dùng Thể Dụng Bốn Tích. Đây lại chia ra hai nghĩa: 1. Dựa theo thiền viên,... 2. Dựa theo phần luận cạn sâu thì viên hành là Bốn, Biệt quả là Tích. Phật địa của Thông giáo, tuy đang ở quả vị nhưng so nhìn với biệt giáo thì thành ra là tích. Tam tạng (Tạng giáo) Nhị thừa tuy đồng là Tiểu quả nhưng so nhìn với Thông giáo thì thuộc về mật, chữ “Mật” cũng giống như chữ

“Tích”. Nói biết uyển chuyển so các giáo với nhau, nghĩa của Bốn và Tích đều thông. Hoặc dựa theo ngay giáo đó mà tự xét thì mở, giáo đều có nghĩa của Bốn tích chẳng như nhau. Lại nữa, dựa theo Bốn tích cao và thấp, thành ra bốn cú (tứ cú, bốn trường hợp) mà luận.

4. *Giải thích theo quán tâm*: Ba giải thích trên tuy rất viên diệu nhưng so với quán thì chỉ thuộc về sự, duy chỉ Viên quán tự hành mới có thể đắc được cái lý. Cho nên nói rằng thí như người nghèo ngày đêm đếm tiền của người khác. Vì thế nên cần giải thích theo quán tâm. Văn có bốn: Tức sanh diệt, vô sanh, vô lượng, vô tác. Dựa theo Tứ đế quán môn, quán những cảnh; sắc không,... Tùy theo giáo mà quán riêng khác. Nói rằng “Quán sinh diệt pháp, thấy sắc là Hữu,... đó là tam tạng quán (cách quán của tạng giáo). Nói rằng “Sinh diệt sắc do tâm sở chuyển tâm đắc tự tại, quán sắc tức là không”, đó là Thông quán (quán của Thông giáo). Chẳng những tâm đắc tự tại, mà vì tức không, cho nên sắc cũng tự tại, cho nên nói rằng “Không và sắc tự tại”, nếu quán không chính là sắc, thứ đệ mà nhập, đó là Biệt quán (quán của Biệt giáo), đó chính là câu “Dùng hai quán làm phương tiện, đắc nhập Trung đạo” của Kinh An lạc. Nếu quán sắc và không là bất nhị, đó là viên quán (quán của viên giáo), duy chỉ viên đốn sắc và không, vốn chỉ cùng một lý, vì về mặt (chiếu thì bất nhị mà nhị, tức chiếu (ngay khi chiếu, ngay ở chiếu) mà vọng nhị mà bất nhị song chiếu song vong, chỉ ở tại một niệm, thể tức trung đạo, cho nên không có gì chẳng phải là thật tướng, một tâm ba quán, ba quán một tâm, vốn chẳng có trước sau, đó cũng là một tâm ba quán, cho nên chẳng dọc, ba quán một tâm, cho nên chẳng ngang. Chẳng dọc chẳng ngang, như Thiên mục (mắt trời, thiên nhãn), vi diệu tự tại, chẳng gì sách bằng, “Ngã kinh Thánh chủ” là dựa theo quán tâm mà giải thích đề cao công đức Chúa thượng, nhờ dùng đạo mà hóa, nên có đủ Đức của một vị nhân vương. Nhờ dùng chánh quán mà tỏ rõ năng lực của Hộ quốc, có đủ nhiều thiện, bốn tích cao thâm, chẳng thể nghĩ bàn, phần quán tâm này cũng có đủ ý của ba giải thích trên, phối hợp giải thích, có thể tự biết... từ đây về sau là hợp giải thích nghĩa của Hộ quốc, như phần giải thích về chủ vương ở trên, đã lược nói xong, cũng như phần sau sẽ giải thích thêm hèn chẳng nên ra ở đây.

Tiếp đó là giải thích hai chữ “Bát-nhã”: Nói đầy đủ là Bát-nhã Ba-la-mật, tức là pháp năng hộ của cả một bộ kinh. Do nhờ trí lực Bát-nhã làm cho quốc và Vương được an ổn, chính hóa được tuyên lưu. Chỉ “Bát-nhã” này vốn chẳng thể phiên dịch. Kinh luận có nói về năm nghĩa chẳng phiên dịch, đây là nghĩa thứ nhất “Tôn trọng” vậy. Chẳng

phiên dịch là vì chẳng thể tận hết lý. Nay lược so với cổ để mà luận về nó. Trước tiên là nêu ra tên của cuốn luận đã nói ba điều này, gồm có hai đoạn văn: Một phe chủ trương là có thể phiên dịch tức là nhóm sư ở chùa khai thiện một phe chủ trương là chẳng thể phiên dịch; tức là sư Mân ở chùa trang nghiêm. Cho nên nói rằng: danh từ bao hàm nhiều nghĩa”, chữ “Bát-nhã” này cũng bao hàm nhiều nghĩa. Nếu dịch là “Trí tuệ” thì lý của nó bị riêng lẻ, cạn cợt chẳng hoàn toàn, nên không thể dịch. Nay quyển sớ này bình phẩm cả hai thuyết trên, trước là bài bác, tiếp đó là dung hội, tức nói rằng “Đều thành tranh cãi, nay để thông hội”. Nghĩa là Bát-nhã có hai loại: Đầu tiên là dựa theo ý chỉ của bộ kinh, có đủ Thiên, viên, quyền, thật. Có chuyển dịch nghĩa và chẳng chuyển dịch nghĩa, dung hội thuyết của hai nhà, tuy chưa có chánh ý chấp nhận nhưng có lẽ có chấp nhận. Tiếp đó là kết luận bài xích. Nói “Lửa nóng chẳng thể thủ lấy”, là như luận nói... nghĩa là Bát-nhã chánh trí chẳng thể dùng thiện kiến mà thủ lấy, thủ thì sẽ bỏng tay hại thật. Chẳng thể thủ mà thủ, tuy thủ nó có thể, chỉ lần ở khoản giữa của thủ và bất thủ, chẳng rơi vào tư duy, chẳng lạc vào nghĩ tưởng, trực hạ thừa theo cái đang là, thì sẽ thật đang có tồn tại. Chữ “Trí huệ” cần phải giải thích theo hai mặt; Ly và Hợp, cũng không hẳn thiên về một mặt. Cho nên cuốn Thành Luận thì giải thích theo hợp, kinh Tịnh Danh thì giải thích theo Ly. Nếu như kinh giải thích thì Trí lấy phân biệt làm Tính, còn Huệ thì vô trước (không có dính mắc). Do vì phân biệt, cho nên Trí tức là Hữu, do vì vô trước, cho nên Huệ tức là không. Do vậy, Ly thì đó là không, là hữu, hợp thì Trung đạo tồn tại. Mà luận giải thích theo hợp thì chơn huệ tức là trí, nó gần với Bát-nhã, đầu nhất định là trú ở Hữu.

“Kim thủ (nay này)...” là nói về bộ kinh quyển Bát-nhã đồng và dị. Theo phần văn sau của kinh; Phật thuyết Bát-nhã trong hai mươi chín năm, kiêm cả sớ vấn hiện nay thì đúng là kinh Nhân vương, tức là chỉ có năm bộ kinh mà thôi. Quyển sớ này nói là tám bộ kinh Bát-nhã là chỗ xuất xứ khác nhau, đúng thì Bộ trật khai và hợp khác nhau mà thôi...

“Có người nói: Bộ kinh Thiên vương Bát-nhã tức là bộ kinh Nhân vương Bát-nhã”: Nay không chấp nhận thuyết ấy. Nếu thuyết ấy đúng thì chẳng nên thuyết xong kinh Nhân vương; Lại còn có thêm sớ thích. Cho nên biết thuyết ấy Sai. Tuy văn trong kinh Đại phẩm (Đại Bát-nhã kinh) có tên gọi giống nhau nhưng chẳng phải chính nói là có hai bộ kinh.

“Hỏi: Nhơn và nhân...” là xét chung, nghĩa của nhơn (con người)

và nhân (nhân đức) là khác nhau, sao thể giống nhau?

Đáp: Căn cứ theo Đại kinh (Đại Bát-nhã kinh) thì nhân tức là gọi cho Nhơn (người), cùng với Kinh thù nói: Nhơn là Nhân, kết hợp lại mà nói đó là Đạo. Ý chỉ của chúng rất giống nhau. Mã lão Tử đạo đức kinh nói: Thánh nhân bất nhân... quyển số giải thích rằng Nhân vương thực hành Nhân đức chẳng cần báo đáp, cho nên nói như vậy, chứ chẳng phải là Bất nhân. Chính là nói rằng Nhân và bất Nhân tức là đạo và phi đạo mà thôi. Nay chữ Nhân vương ở đây chính là kẻ chư hành đạo, nếu kẻ ấy trái đạo thì ngay cả nhơn (con người) còn chẳng thể, huống nữa lại có thể là nhân được sao?

Lại hỏi: Nói nhân là sao?

Đáp: Bởi nhân thì khó nói, tạm dùng thể của chữ để xét thì còn có thể. Chữ nhơn (con người) theo với chữ Nhị, đó là Nhơn chữ Nhị thì có hai nét tức là đủ cả tài vật. Lại nói xuyên chữ tam thành ba là chữ vương, tức là nghĩa của Nhân vương. Cái gọi là “hạ học mà thượng đạt, phải chẳng lấy câu đó mà giải thích ư! Lại hỏi: Người xưa cho kinh này chẳng phải là chánh dịch, bởi vì kinh này chẳng thấy trong mục lục.

Ý đáp rằng: Mục lục không có, e vì ngẫu nhiên bị sót, như đời sau xuất ra ba bản dịch, há lại chẳng chánh sao? Hơn nữa kinh này có trong mục lục của Trường phòng, có thể tra cứu, tin rằng chẳng bịa ra vậy.

“Hải dung...” là dẫn sự việc để bác điều sai trái. Nghĩa là dung ở trên biển, bậc Thánh thời cổ sơ đều dùng tai mắt, những thứ chẳng thấy nghe mà ưa đoán nó có hay không có, sao thể biết sự thật của nó được thay! Chữ cách hoặc đọc âm là cức. Văn xem cuốn Liệt Tử.

“Thả chuẩn hạ...” là nêu ra hai bản kinh quảng và lược. Trước sai ba bản dịch tỏ rõ sự chơn và ngụy của nó. Viết ra bình phẩm này, lỗi chẳng lớn vậy! Mà trong ba bản dịch, chỉ chú giải bản dịch đời Tần. Vì so với hai bản kia, bản dịch của La Thập hay hơn, từ ngữ và lý đều suông sẻ, cũng được đương thời ưa chuộng.

Ba-la-mật: Dịch nghĩa là sự đã xong xuôi, còn dịch nghĩa là đã đến bờ bên kia. Tỏ rõ thẳng dụng của Bát-nhã. Nghĩa là khi sự (việc) đã xong xuôi: thì có thể biết rõ cái lý của sự việc. Năm độ trước thuộc về sự Bát-nhã độ thì thuộc về lý. Sự do nhờ lý dẫn dắt, sự còn cứu cánh xong xuôi, huống nữa lý là cái dẫn dắt chẳng thể cứu cánh xong xuôi, được sao? Nói “Đáo Bỉ ngạn” thí như dùng thuyền bè đi vượt qua biển cả, nào có bờ này, bờ kia, giữa biển khác nhau. Tại bờ này tại giữa biển đều là chưa cứu cánh xong xuôi. Duy chỉ đạt đến bờ kia thì sự việc của ta đã xong xuôi, đây đều là nghĩa của đạt đến cực điểm. Cho nên nói

rằng: Sinh tử là bờ này... Đây tuy giải thích theo văn nhưng nghĩa vẫn còn chung chung. Tiếp đó là giải thích theo giáo: Tạng giáo thì lấy thật Hữu sinh tử làm thử (bờ này), lấy Diệt Hữu, Niết-bàn là Bỉ (bờ kia). Trung lưu (giữa dòng) là kiến, Tư Hoặc. Sở thuyên ở tại Tiểu Lục độ đều là Sự. Vì chưa đắc cứu cánh đáo ngạn, cho nên lấy Đạo phẩm Bát Chánh làm thuyên bè. Thông giáo thì Thử và Bỉ chẳng khác với tạng giáo, chỉ vì phân tách thể của Hữu, cho nên lục độ là lý. Nếu so với Tạng giáo thì Sự và Lý kia đều là sự, giáo thì sự và lý đều là lý, khác nhau như vậy mà thôi. Biệt giáo thì lấy vô minh làm Trung lưu, nghĩa là lấy sắc và không của phàm phu, tiểu thừa làm thử, Thử là giới nội: lấy Bồ-tát giả pháp làm Bỉ, Bỉ là giới ngoại. Mà lấy vô lượng hạnh nguyện làm thuyên bè. Viên Đốn giáo thì cực Sự và Lý; Sự cực, cực ở lý thì Nhị mà bất nhị. Lý cực, cực ở sự thì bất nhị mà nhị, lấy ví cho sinh tử và Niết-bàn làm Thử và Bỉ. Nghĩa đó có thể biết. Nhưng thật không có sanh tử, Niết-bàn để đắc.

Vì cho đó là tề hành thì một hành là tất cả hành, lấy đó làm thuyên bè, rốt cuộc đạt đến Bờ đại Niết-bàn, đó là Viên giáo.

Tiếp đến là dựa theo quán tâm mà giải thích chữ “Bỉ ngạn”: Chủ yếu là dựa vào không, giả, trung. Lấy Sắc và không làm nghĩa của Bỉ và Thử mà luận về Tu tướng tức là nhờ vào Sự quán môn. Như văn nói... nghĩa của tam giả, như phần sau giải thích.

“Kinh: Có...” là giải thích nghĩa của chữ kinh. Tiếng phạm là Tu-đa-la, cụm nói: Có phiên dịch hoặc không có phiên dịch, năm nghĩa, chỉ xâu... nổi một nghĩa dựa theo giáo, hành, lý mà thành ra mười lăm nghĩa. (Nói rõ như trong cuốn Huyền nghĩa...). Lại như chữ kinh của Lục kinh, lấy tên gọi của Trung Hoa thay cho tên gọi của Ấn độ cho nên gọi là kinh.

Từ câu “Ước giáo lục trần” trở xuống, là lại người nơi Kinh để nói rõ thể của giáo là kinh là chỗ Thánh người khai thị giáo; người nơi giáo để ngộ đạo, thì cũng có chung, có riêng. Chung là mười phương cõi Phật, bao gồm nơi lục trần, đều là thể của giáo, như văn giải thích v.v... Hoặc dùng quang minh v.v... bày ra đủ sáu trần mà làm Phật sự. Phật sự này nơi Hương phạn (Cơm thơm trong kinh Tịnh Danh) cũng tự bao gồm ba trần. Hương tức là hương trần, phạn là cơm khi ăn vào miệng tự nó có mùi vị tức là vị trần, thưởng thức nếm vào nơi lưỡi có cảm giác mềm mại, thích thú cái tướng v.v... tức là xúc trần. Hoặc im lặng không nói, mà được Tam muội tức là pháp trần, cứ thế mà suy rộng ra. Mỗi một trần kia đều có đủ sáu căn mà mỗi một căn đều có đủ sáu trần, căn

căn, trần trần đều có thể vào đạo. Điều thích hợp với thể của giáo. Tiếp đến giải thích Bản tích, Quán tâm đều có thể nói như trên v.v... Vì dù có giáo ngoại biệt truyền tâm yếu cho đến vô ngôn vô tự, nhưng hể có một pháp đượng tình và không đượng tình thì cũng là thể của giáo, còn chỗ nào, pháp nào biệt truyền nữa ư! Nếu tự mình chẳng sâu xa nhìn thấy lý này thì khó dùng lời, bút viết ra được. Riêng thì dùng thanh sắc làm thể, Phật tại thế và sau khi Phật diệt độ, nhưng đối ba thứ danh, cú, văn thì đó là một thật; cả ba giả hòa hợp thành thể, đó là giáo vậy, hoàn bị vậy. Nếu giải thích chữ Kinh theo nghĩa “Kinh vĩ” (đan xen chỉ dọcngang) thì như thế gian dọc, khởi đầu làm tám lụa ắt trước phải có đường chỉ ngang mà dệt thành hoa văn màu sắc. Nay vì là kinh giáo nên cũng vậy. Lấy văn tự làm kinh thì đó là nghĩa thường. Dùng tâm của người mà hành giống như kéo sợi tơ mối chỉ từ trong giữa ra dệt làm sợi ngang. Tuy là xuất thế chánh giác cũng ắt nhờ đây mà thành tựu, cho nên lấy thí dụ Kinh vĩ làm nghĩa chữ kinh.

Từ “Tự giả là giải thích phẩm Tựa thứ nhất, cũng là sự nối tiếp theo, ý chính tóm lược có thể biết”.

Thứ hai biện luận về Thể gồm hai phần: 1. Bình luận các giải thích của người xưa. Có người dùng văn tự làm Thể, nghĩa này rất sơ sài, chắc chắn không cần bình phẩm. Có người lấy Vô tướng làm Thể, tuy như là được lý mà chung chung. Nói vậy cũng không gần nghĩa của Thể? Có người cho rằng: Ngũ nhãn, Thập địa làm Thể, đây tuy ý chỉ kinh này, có văn có lý, nói đến, nhưng gọi là tông của La Thập thì được, chẳng phải là nghĩa của Thể. Phạm là Thể ắt phải quy về một. Chưa nghe dùng nghĩa, số làm Thể, cho nên biết là chẳng phải. Nay giải thích gồm ba phần: dựa vào nghĩa giải thích v.v... Gọi thể đó là pháp. phân biệt tôn ty cao thấp vua tôi, cha con; đạo quân thần đều có thứ tự tiết lễ chẳng có gì không có pháp tắc. Ví như thể của pháp xuất thế cũng vậy. Tuy có riêng biệt của mười giới mà đồng dựa vào một Thể của pháp tánh, chỉ có Thể như thế, không hề nào khác; tức là cái hiển bày tột cùng chỉ ở Phật. Cho nên phạm các kinh Đại Thừa chung đều chỉ thật tướng để làm Thể chánh. Nếu giản lược thể theo khai, phế thì chẳng phải ý chính của bộ này, nên không luận đến. 2. Dẫn chứng v.v... Nghĩa là dựa vào thật tướng pháp tánh mà biện minh về người quả, ngay nơi thật tướng người quả chứng minh Thể của kinh, nếu như các Sư xưa xử dụng thì trở thành bị phê bình là lấy người quả chứng minh thật tướng. Đây có biết đó gọi là Thể của nhà Tông, Tông của nhà Thể, mộtnghĩa đều có chỗ trở về. (Như Huyền Tiêm nói v.v....), căn cứ giáo của bộ,

luận riêng mà vẫn thông với nghĩa trước, nên cần luận riêng; bên cạnh đó căn cứ nghĩa của bộ phái định Duyên Thật cộng, biệt, rồi tiếp nói chính, phụ chỉ riêng nói v.v... Nghĩa là Bát-nhã vốn là pháp của Bồ-tát, nhưng có nghĩa cộng và bất cộng. Cộng là nói cộng (chung) Nhị thừa là Thông giáo vậy. Bất cộng là pháp của riêng nơi Bồ-tát, là Biệt Viên giáo vậy. Chuẩn theo giáo nói lý, thì thể cũng Thật tướng, cũng lại có hai khác. Tức gọi là thật tướng thiên chân (thiên vị chơn thật) là tướng các pháp mà Tam thừa đều được, cũng không gọi là Phật Thật tướng trung đạo đối giáo có thể biết. Lại dựa vào cộng và bất cộng để phán định quyền thật, thì cộng hóa tha quyền thật. Bất cộng tức là tự hành quyền thật. Nếu đối chiếu vào nhau để luận thì hóa tha tuy có quyền thật nhưng đều gọi là quyền, tự hành theo đây mà biết, tức thành tự tha quyền thật. Cho nên chú giải v.v... Nay như trên phân biệt.

Từ “Ước giáo” ... là nói đối với nghĩa các bộ trước, này đây chính là luận theo bốn giáo. Tức một thời Bát-nhã tuy thông với các bộ mà phước bỏ bán nói rõ mãi. Đó là chỉ nói môn Ma-ha-diễn tuy thông các pháp, dựa vào đại tồn động tiểu ở Nhị thừa, bí mật xoay chuyển vào, cho nên có Tam thừa cộng hành mười địa v.v... Nói theo chánh, phụ thì Kinh này thông chánh tiếp phục; nói theo quyền thật thì quyền Thiên thật Viên; đã chỉ từ lý tột cùng của ba giáo để hiển bày Thể, thì Thể chính là chỉ Thật tướng viên mãn tột cùng. Cũng như Kinh Quang Minh (Kim Quang Minh) có luận phán giáo thuộc Thông mà giải thích thể là Viên. Thứ ba nói về Tông. Hiển bày hành của Thể là Tông, hành bao gồm tu chứng tổng nhiếp người quả, cho nên lấy người quả làm Tông cũng không thích hợp ư? Bởi thế có bình luận xưa, có giải thích ngày nay. Người xưa có dùng vô sanh chánh quán làm Tông. Phần nhiều là ý nơi luận Bát-nhã vô tri của đại sư Tăng Triệu. Nghĩa là Thể Bát-nhã vốn không sanh, tức tri (biết) của không sanh diệt ấy. Tức tri làm quán chiếu thì xa lìa hai bên, có không, giả danh trung đạo chính là chánh quán.

Từ “Cố văn vân” (cho nên văn nói là dẫn chứng. Ý chính văn đó chỉ rõ rằng: Thể vô sanh là rỗng không, không hề có thấy gì, tuy biết mà là không biết, thấy mà là không thấy, không hành, không thọ nhận v.v.. Các Luận giả đời này phê bình đây là ý Thông giáo; tức ngài Triệu Thập giải thích Kinh phần nhiều phụ thuộc vào ý Thông giáo. Tuy được quyền ý Thông giáo, mà mất đi thật Viên đốn, nếu là mất đi cái thật thì quyền thật đều sai v.v... Tiếp nay giải thích nói lấy tự hành người quả của Phật làm tông, tức là trí tuệ tột cùng, cái tri linh tỏ, vắng lặng mà

chiếu soi của Phật đã chứng làm tông Bát-nhã này. Phàm nói tự hành thì chứng chỉ có ở Phật, người khác chẳng có thể biết. Nói đến người quả thì hành không gì không bao gồm, đức không gì không thâm nhiếp; đã chứng trí ấy ắt khế hợp cảnh ấy. Vì thế nói: Một sắc, một hương không gì không phải trung đạo. Nói Trí và trí xứ đều gọi là Bát-nhã thì không thể lấy tâm có mà nhận, tâm không mà nhận, chỉ lìa có lìa không khế hợp trung đạo mà được; nhưng lìa có lìa không tức vắng lặng là Thế vậy. Có và không rõ ràng tự nhiên là tác Dụng của chiếu vậy. Chỉ vì trí một lúc vừa chiếu vừa ngăn, chẳng có gì là được cả, cái tướng không cũng không có tướng, mà chỉ tự nó tướng Không, không có riêng khác, không có tướng; vì đó là cốt lõi của Tông, chẳng có gì hơn đây.

Từ: “Vấn Tông dữ thể” (Hỏi: Tông và thể)... Là phân tích sơ lược sự giống và khác của hai thứ, và lấy thí dụ giềng lưới và áo. Phàm giềng lưới đạo do mắt lưới, nhắc giềng (đầu mối) lưới lên thì các mắt lưới tự nhiên theo. Áo làm bằng sợi, nhắc áo lên các sợi chuyển động theo. Thí dụ này cho rằng Thể theo Tông, nên hiển bày Tông thì được Thể chính. Hoặc lấy thí dụ rường cột không gian trong nhà, không gian là cái được nhận (sở thủ), đây là nói lấy Tông theo Thể, mỗi thứ đều có đảm đương. Nay nói đến giống và khác: Có hàng trăm thứ chẳng phải đồng, chẳng phải khác (bách phi) như luận về ly, hợp cũng vậy. Ngài Tứ Minh nói phân tích thể như đây là chẳng tức Tông dụng, chẳng lìa Tông dụng mới làm sáng tỏ được cái vi diệu của một nhà Tông Thể. Lại như vàng làm ra các thứ đồ trang sức, đây thí dụ về chẳng phải khác, chẳng phải không khác, ý nay cũng ít khác biệt v.v...

Thứ tư Biện giải về Dụng: Tông đã hiển Thể, thể hiển thì có Dụng cho nên tiếp theo Tông nói đến tỏ Dụng, cũng tức là lực dụng công năng của Bát-nhã.

Từ “Hữu người” (có người): Là bình phẩm người xưa người. Xưa lấy trong và ngoài hai hộ làm dụng Như trong văn nói v.v... bầy nạn không khởi. Là như đoạn văn sau kê ra ngoài giải thích.

Quyển sơ này... Nay bình phẩm như sau: Nghĩa có đoạt lấy và cho. Cho là nói trong và ngoài được một đầu mối của Chân và Tục, đoạt lấy thì mười địa tên gọi thông, mà không nhắm đến nói rõ Tục; chỉ biết một mà không biết hai, nên không thể nương tựa vào. Tức là đoạt lấy. Nay dùng hai trí của Phật làm dụng còn thâm nhiếp được Y, chánh, người quả Phật quốc, thế gian Y báo quốc độ v.v... mà không hộ ư? Cho nên dùng cái thẳng thâm nhiếp cái kém, nêu chánh thâm lấy y. tức hai hộ trong, ngoài chẳng có gì không thâm nhiếp hết. Huống gì nói Nhị trí, lý

của nó rất sâu xa, thật hơn hẳn giải thích của người xưa rất nhiều vậy. Hoặc là phạm nói đến quyền và thật ắt có chiếu soi tự tha. Chiếu tự nơi mình tức là chiếu lý, chiếu soi kẻ khác tức xem xét căn cơ, đó gọi là trên thì pháp tánh sâu xa xứng hợp, dưới khế hợp cơ duyên, chưa từng có chiếu soi một mà không chiếu soi hai. Nếu kèm theo giáo để xét, thì có ba cặp quyền thật, như văn giải thích v.v...

Từ “Như Tát bà” trở xuống là dẫn sự chứng dụng mà có mạnh yếu. Hai trí Thông, Biệt lực dụng yếu giống như cung tên của người phạm, hai trí Viên trung lực dụng mạnh, giống như cung tên của Thánh.

Từ “Thứ hà giả” là nêu câu hỏi. Nói câu một hoặc đẳng giả từ ngữ, tấn thối không định. Nghĩa là tuy hai trí của Thông giáo là bình đẳng nhưng là chân không cho nên chiếu lý không khắp. Biệt giáo có thứ tự chứng đạo mới biết, nhưng nghĩa không bằng Viên giáo cho nên hoặc chiếu hoặc chứng đều phải xả bỏ Thiên theo Viên, tức xuống là dùng nhị trí đối các cõi Đồng cư v.v... Nói khiến cho các hoặc Kiến tư v.v... Không khởi là giải thích rõ lại nghĩa quốc. Đó gọi là Thập địa hạnh v.v... tuy thông ba giáo, mà nghĩa hệ của Thập địa đã hành là một. Chuẩn đúng theo đây thì cõi tịch quang cũng nên gọi là Hộ. Văn ít nói quả tột cùng, cho nên không nói vậy thôi. Văn sau tuy có nói hộ quả, mà không ở trong quả, trở về ở tâm người, phần sau sẽ giải thích rõ hơn. Lại trong Kinh Lăng già, có cần Kim cang lực sĩ hộ là nói theo hóa thân, như Kinh kia nói v.v...

Thứ năm nói về tướng giao, nêu ra chung chỉ rộng ra, mà các tên gọi bốn chương có luận tổng biệt đầy đủ. Nếu chẳng phải tướng giáo thì không dựa vào đâu để biện luận hiểu nghĩa cạn, sâu, bán, mãn. Vì vậy, đây phải nói về tướng giáo.

Từ “Kim lược Minh”. Là chính thức phán định. Tức bộ này là Bát- nhã, là một trong các bộ, dùng bán và mãn so với Tam Tạng giáo, thì đây là Mãn tạng giáo: Ma-ha-diễn môn bao gồm Thông, Biệt, Viên. Ma-ha dịch là Đại, Đa, Thắng v.v... Diễn cũng là Đại. Dùng thứ tự, năm vị, thì Bát-nhã xuất từ phương đẳng. Ví như từ vị sanh tô, xuất ra tướng vị thực tô. Bởi thế dung thông nhị thừa, rèn luyện sàng lọc những chấp tình còn vướng đọng mà có thể kham nhận đến một vị của Pháp Hoa khai tỏ. Đây cũng như là tướng chung vậy.

Như bộ này thì riêng nói Hộ Phật quả đức, người hành thập địa và ngoại hộ Quốc độ v.v..., tức bàn đến mức tột cùng đạo xuất thế và cốt lõi đạo của Phật hóa độ. Lại Vua Ba-tư-nặc hỏi Phật; Nghĩa Ma-ha-diễn nên chiếu như thế nào? Phật nói v.v... Đã dùng Ma diễn làm cảnh sở

chiếu, thì biết chẳng phải nói Tam Tạng giáo vậy. Tuy chẳng phải Tam tạng, mà sở phá và năng thông có đủ bốn giáo. Nhưng Tam tạng đã là chỗ được phế bỏ, cho nên xuống là giải thích nghi ngờ. Nếu như ý chỉ chính của bộ này chỉ nói Đại Thừa, mà kinh có tám kệ bàn luận về vô thường sanh diệt. Đây là như thế nào? Cho nên giải thích v.v... Tức Vua Phổ Minh bị Ban Túc bắt, chuẩn bị đem tế thần, Phổ Minh xin y theo pháp của bảy Phật, tập họp trăm pháp sư thuyết Bát-nhã xong rồi mới chết. Ban Túc được nghe Bát-nhã thế là Pháp sư vì vua nói bốn câu kệ phi thường (Xem văn cuốn quyển đầu) vua người đó chứng đắc Không bình đẳng, Tam muội. Câu Phụ hành phán chi v.v... Tức đoạn văn này khuyên vua bỏ nước, tức là thuộc trợ đạo chẳng phải ý chỉ chính của kinh. Bàn rộng về nghĩa chính của Kinh đến đây đã xong.

Tiếp dựa vào văn giải thích chia làm hai, chỉ chung phân chia Kinh. Phàm xưa nay giải thích kinh, tùy theo nơi chốn, có chia ra hay không chia nên đây liệt kê ra. Nên nói Tây Trúc và Chấn đán (Trung quốc) văn tóm lược mà thôi. Như Đại Luận giải thích Bát-nhã, Ngài Thiên Thân giải thích Niết-bàn. Tức Tây Trúc chia và không chia. An sự chia ra phần. Lưu câu giải thích Pháp Hoa: Trung Quốc chia và không chia vậy. (Sự tích đức hạnh của hai vị Hiền hai vị Thánh này và phương thức giải thích Kinh, có ghi đầy đủ trong phần chú thích thêm của Đại bộ). Phàm giải thích Kinh quý ở chỗ thông lý, chia Kinh hoặc không chia Kinh chỉ cần nghĩa sở tại, nên không cố chấp nhất định phân chia. Nhưng phân chia nói là để hiểu hết, nếu không thế, sao tránh khỏi cắt vụn Kinh ra; việc cần chính vẫn là đắc ý chí của kinh. Cho nên nói: “Nhơn tình như Lan, Cúc”. Chữ “Kỹ” nên làm chữ “Hảo”. E làm chữ. Tiếp đến phần Chánh chia làm ba phần: Phàm Thánh như nói pháp há không hề tự nhiên mà, bất chợt nói ra. Ất phải nói có nguồn gốc, nghe ắt phải có người nghe, có thời gian có nơi chốn chứng tín chẳng sai lầm. Hoặc có ánh sáng, hoặc có điềm tốt lành, phát khởi không nghi ngờ. Bởi vậy, có phần Tựa; có phần Chánh tông, có phần Lưu thông đó vậy. Văn nói Tựa rõ để Chánh hiển bày. Xưa nói Tựa và Chánh Tông kèm nhau là nghĩa đó vậy: Chánh tông thì phải đúng căn cơ thiết lập giáo. Lưu thông thì lợi ích cho vị lai, mới là phần chính.

Tiếp dựa vào kinh phần định làm hai: Một là tùy theo phẩm chia văn. Tức là phẩm Tựa là tựa. Đây tạm căn cứ phẩm phân đều, chẳng phải phân văn, phân đều. Dựa vào văn mà phân ra, tức là từ câu “Phật bảo Bồ-tát Nguyệt Quang: cửa cuối phẩm này trở xuống đến hết Kinh, là phần Lưu thông.

Hai là theo văn chính thức giải thích lại chia làm ba.

1. *Phân Tựa đầu phân làm ba*: Ban đầu nêu bày tên khác gồm có ba cặp đối nhau là thông với biệt; chủ với bạn; trước với sau, đều không ra ngoài một phẩm Tựa này.

2. *Giải thích nghĩa*. Liệt kê giải thích tổng làm bốn nghĩa, tức là lấy sáu việc trình bày ở đầu Kinh mỗi sự đều được thật nghĩa, nghiêm chẳng sai cho nên có thể chứng tin. Do đức Như Lai hiện năm điềm lành v.v... nên được lấy đó làm phát khởi chánh tông. Thông giải thích hai, gọi là nghĩa thứ nhất. Thông tựa mỗi kinh đều có, biệt thì chỉ ở phẩm này là nghĩa thứ hai. Sau sự trình bày ở đầu Kinh thuộc ba đời, đều là lời từ Kim Khẩu của Phật nói ra nên gọi là Như Lai tựa: Cũng là chứng tích về A-nan truyền lại, nên là A-nan tựa là nghĩa thứ ba vậy. Liệt kê ở đầu Kinh nên gọi là Tựa trước Kinh. Mà ở Phật tại thế gọi là sáu sự của Thông tựa. Phật ở đời đời hay sắp nhập Niết-bàn thì cũng là lời của Phật, người kết tập sắp xếp lại vào lúc sau Phật diệt độ gọi là Tựa sau kinh là nghĩa thứ tư vậy.

Từ “Kim thừa y” trở xuống là đối Kinh kết lại v.v...

3. *Thuật lại duyên khởi*: Chia làm hai phần: Đầu tiên chỉ Kinh, tiếp từ “Trí Luận” trở xuống là dẫn luận gồm có hai văn: 1. Như ngài A-nan trình bày thỉnh bốn việc. Phật tùy theo hỏi mà đáp. Năm việc chứng tín là một việc trong đó.; 2. Như ngài Ca Diếp đã hỏi lúc chánh kết tập. Khi đó ngài Ca Diếp hỏi, ngài A-nan như Phật trả lời v.v..

4. *Giải thích theo văn có hai*. Phần 1: Chia văn làm sáu phần như thông thường giải thích v.v...; Tùy theo giải thích sáu nghĩa. Ban đầu nói “Như vậy”, là chỉ pháp đã nghe từ “Như” trở xuống là nói một bộ kinh nào cũng đều thể theo pháp đã nghe, một khi thị nói “Như” thì thấu nhiếp trọn hết. Nếu không như thị thì chẳng phải pháp, cho nên nói rằng giải thích như thị xong thì cả bộ kinh sẽ rõ ràng là ý đó vậy. Tóm lược chia làm hai giải thích. Mười Giải thích theo bốn Tất đàn, đều là người duyên, Tất đàn, tất cả đều là người duyên. Văn cho là đồng với đạo không tranh luận thế gian là Tất đàn thứ nhất. Trên thì đồng tri kiến Phật, dưới thì thuận tục thế tục, cho nên đều không tranh luận. Nêu thời và phương để muôn loài tin, tin là gốc thiện cho nên là Vị người Tất đàn thứ hai. Bốn này phân tích đủ cả hai Tất đàn này. Lại để phá ngoại đạo Âu A, là đối trị tất đàn thứ ba. Phạm phu ngoại đạo cho rằng không ngoài có và không. Nay lấy “như vậy” mà phá dẹp tức chính là Đối trị Tất đàn. Xưa lấy Tín thuận giải thích “Như vậy” đây phải nên là đệ nhất nghĩa Tất đàn. Đã tin, rồi còn thuận lý chẳng gì hơn

như thế. 2. Giải thích theo Giáo: Dựa vào giáo thuyết nói rõ nghĩa “Như vậy” Nghĩa là nếu giải thích Chân, Tục, một Có, một Không thì ngài A-nan truyền lại lời Phật nói không khác, gọi là Như thị. Tức là nghĩa Tam tạng giáo. Hoặc sắc không, không hai, không khác gọi là như, gọi là thị, đó là nghĩa Thông giáo. Biệt giáo nói sanh tử là có, Niết-bàn là không. Có và Không như vậy thứ tự ra vào, là nghĩa Biệt giáo. Viên giáo nói sanh tử tức Niết-bàn không gì không phải thật tướng là Như; như như bất động là Thị tức nghĩa “như vậy” của Kinh Viên giáo. Kinh đây đầy đủ nói, nghĩa như vậy của ba giáo. Ngài A-nan mỗi mỗi truyền lại không sai, cũng khiến cho đời sau tùy theo giáo mà chọn hiểu. Bộ kinh phần này. Nghĩa Quán thì đầy đủ.

“Tôi nghe”: Tôi tức là A-nan là người nghe trì kinh này. Luận lấy tai và các duyên, tức có đối tượng được nghe là Thế giới Tất đàn. Nêu tổng nhiếp biệt, nghĩa thế đế vậy. Vì kết tập pháp tạng xưng là tôi nghe, đó là Vị người tất đàn. Người vì cảm thương khóc lóc rơi lệ đều là sanh thiện cho muôn loài thiện. Vì xưng Tôi nghe cho nên có ba cái nghi, tức để khiến trừ là Đối trị tất đàn, nghi mà không quyết chắc, thì chúng còn ôm trong lòng chưa thỏa mãn, khiến trừ nghi nên phá ác. Ba nghi luận như trong chương khác v.v... Thật đế vốn không có cái Tôi (Ngã) tùy theo Tục mà xưng Tôi (Ngã) mà rõ ràng không có gì là nghe, cho nên dùng Vô ngã mà ngã, không nghe mà nghe, đó là Đệ nhất nghĩa Tất đàn. Giải thích ngã theo Giáo là ngã gồm có ba: Gọi là kiến mạn danh tự, đối với phàm phu v.v... mà có nhiều ít. Ngài A-nan đã là người hữu học, và đoạn kiến phục mạn, tùy theo đời mà xưng Tôi, đây là ý của Tam tạng giáo. Lại nữa A-nan đảm đương vị vô học, tích (nay) làm thị giả theo hầu Phật cho nên lui về địa vị hữu học, chẳng phải thật sự chưa đạt đến. Đến khi kết tập phải phát khởi tích trước, thị hiện Tứ quả ra mới có thể kham nhận kết tập, nguyên do là thế. Xưa phần nhiều không hiểu chỗ này, người đây mà chỉ rõ ra. Bốn câu trong Thập trụ Tỳ Bà-sa gọi là Ngã là: Phàm rơi vào bốn câu đều gọi là tà kiến. Nếu như không có ngã thì ai sẽ nghe, đây là ý Thông giáo. Như trong Đại kinh xưng gọi A-nan là Đa văn sĩ, có thể hiểu Ngã Vô Ngã cho đến phân biệt Ngã, Vô ngã là hai, không hai v.v... thứ tự trước sau là ý Biệt giáo. Biết Ngã Vô ngã hai mà không hai, cùng chiếu uếng ngăn cùng dung thông 3. Phương tiện làm thị giả là ý viên giáo. Từ “Hựu Chánh Pháp Niệm” trở xuống nói A-nan có bốn. Điển tạng. Giải thích nghĩa bốn Ngã: Đó là Hoan hỷ Hiền Hải thứ tự nắm giữ ba pháp tạng. A-hàm có điển tạng A-nan, nắm giữ Bồ-tát tạng. Bao trùm chỉ có một người mà có đủ bốn

đức,... Đại (Diếp) Tiểu khiến cho trí hết bốn pháp tạng, là giải thích theo ý giáo.

Giải thích theo quán tâm không ngoài dùng ngã và vô ngã v.v... phối hợp ba môn quán, tức thành nghĩa diệu cảnh; diệu quán từ đây cũng được an lập. Đó là ý quán tâm vậy.

Tiếp giải thích chữ Văn (nghe) có hai. Ban đầu nêu ra nghi ngờ dấy khởi. Nghĩa là ngài A-nan đản sanh vào đêm Đức Phật thành đạo, theo hầu Phật hơn hai mươi năm thì Kinh lúc chưa hầu Phật lẽ ra không được nghe? Tiếp dẫn kinh luận giải thích theo nghĩa người duyên, đầy đủ nghĩa bốn Tất đàn.

Từ “Tức Luận vân” trở xuống là căn cứ ở xoay vần nghe lại là nghĩa Thế giới Tất đàn.

Từ “Báo ân Kinh” trở xuống là nguyện xin nghe lại. Có nghe tức có sanh thiện là nghĩa Vị người Tất đàn.

Từ “Thai kinh” trở xuống nói dối theo tướng hiện nhập thai, thì hóa sự của Phật trước đó thấy đều thấy nghe. Thai biểu thị cho bất tịnh, tức là Phá ác Tất đàn.

Từ “Pháp Hoa” trở xuống là nói A-nan vì được Phật thọ ký nên nhớ nghĩ như trước mắt, được Phật giác ngộ cho Tam muội đều nghe được tất cả; tức là Đệ nhất nghĩa Tất đàn. Văn thêm một chữ “Linh” (Khiến cho) thì tóm lược kết ý giải thích không rườm rà.

Tiếp giải thích chữ “Văn” theo Giáo: Như trước đã giải thích Ngã, nay chuẩn theo chữ ngã giải thích “Văn”, cũng phải theo như vậy. Phối hợp tiếp theo giải thích, thì Hoan hỷ (A-nan) trì giữ cái “Văn văn” (năng, sở) là Văn (nghe) Tam tạng giáo, còn ba giáo sau có thể biết v.v...

Từ “Nhất nhất giáo” trở xuống là nguyên do giải thích tất cả, có đủ trong các số, không phiền dẫn ra. Chữ nhất thời đó là: Thời lúc nghe và trì hòa hợp, gọi là nghe tức là đối tượng được nghe (sở văn) trì tức là năng trì; hai thứ này không nhất thời thì không gọi là hòa hợp. Ứng và cơ làm một thì Phật hóa độ đây mới thành. Đây lại chia làm hai giải thích: Đầu tiên giải thích theo nghĩa người duyên. Ngài Triệu sư giải thích sự viện hiển bày lý, nên giải thích thế giới tất đàn là phù hợp.

Đại luận giải thích “thời” có giả có thật. Thời vốn không khác mà nói nghĩa có khác nên lấy hai ba chữ khác nhau không phải để làm khó dễ. Cho nên, nói Ca la thời tức nghĩa thật là thời mà các đệ tử nơi giáo ăn, mặt trời không quá giữa, không thể sai. Nói Tam-ma-da là thời tức giả vì để phá ngoại đạo chấp thời gian la thường, mà nêu rõ tỏ, niệm

niệm vô thường. Nay phân phối làm hai giải thích. Văn chỉ rõ ràng không cần giải thích. Đệ nhất giáo nghĩa tất đàn lấy không thời gian và không phải không thời gian là thời gian, nghĩa là cả hai chẳng phải giả, thật chánh để hiển bày Trung đạo thêm Đệ nhất nghĩa cho nên biết nghĩa thời gian là to lớn như vậy. Chỉ rộng ra có thể biết.

Tiếp giải thích “Nhất thời” theo giáo. Nhưng lấy giáo vốn thuyết lý, hành vốn trải qua ngôi vị ở Tạng, Thông, thì trí có phân tích thể, còn ở Biệt, Viên thì chứng phần của Địa, Trụ. Tuy có hạ, trung, thượng, thượng thượng khác nhau, mà chứng nhập diệu dụng không có chấp nhận trước sau. Cho nên gọi là nếu xét về kinh này thì đủ cả ba giáo, hợp lại mỗi giáo theo chánh, có thể phân biệt như phần trên. Tuy nhiên Biệt Viên này trong kinh nói theo tiếp, nhập vào thì mà lấy Bát-nhã chung làm sơ môn, tiếp và chánh chia chẻ. Vì nói theo gai đoạn đầu mới phân làm tiếp chánh, lấy chánh làm chuẩn để tiếp và nhận mọi thứ về với chánh.

Phật là vị giáo chủ năng thuyết, tuy thông cả bốn giáo, nhưng để phần văn sau mới giải thích. Nay tạm tổng nói làm bốn nghĩa Tất đàn giải thích: Phật gọi là giác. Các phiền não là sở giác. Thân tâm hai bệnh là bao gồm nghiệp báo, người quả đầy đủ v.v... là tam Giác đầy đủ. Năng sở đầy đủ. Vì đủ, cho nên đạo giác ngộ năng phá phiền trước trói buộc bèn gọi là Phật. Nhưng có căn cơ cảm ứng thời xứ khác nhau, tức là Thế giới Tất đàn. Gọi là kiếp sơ không bệnh v.v... đều chẳng phải cảm ứng thời có Phật. Nói cõi Đông thiên hạ giàu có mà thọ lâu v.v... là nơi không cảm ứng Phật. Thời tám vạn tuổi, tuy gọi là thọ mạng dài nhưng không cảm ứng tới Phật. Người cõi Nam thiên hạ chưa thấy quả mà tu người, là người có thể giác ngộ trước vậy. Vì thế tuy giảm so với kiếp sơ cho đến trăm tuổi nhưng nói chung là có thể cảm được Phật. Cho nên Phật xuất thế ở nơi này.

Từ câu “Nhật nhược bất xuất” trở xuống là văn có thí dụ và kết hợp. Nghĩa là Phật ví như mặt trời, nếu mặt trời không xuất hiện thì hoa trong ao không hiện, nếu mặt trời hiện thì có hoa sanh. Mặt trời hiện là người của Hoa, là việc tốt để ứng sanh. Đây là Vị tất đàn, còn lại có thể biết.

Từ “Tam thừa căn tánh” trở xuống. Vì có cơ duyên xuất thế nên có thể cảm ứng đến Phật. Nói người đoạn Hữu Đảnh chủng, tức là địa thứ chín, một phẩm tư hoặc đã hết vĩnh viễn ra ngoài ba cõi. Cho nên gọi là vĩnh viễn qua dòng sinh tử. Trái lại, hiển bày nếu chưa phá ác thì không thể cảm. Đây là Đối trị tất đàn.

Từ “Phật ư pháp tánh” trở xuống: Vô thể pháp tánh biến khắp tất cả xứ, chưa hề có động, xuất, nếu có cơ duyên cảm ứng thì nơi không động xuất thấy có động xuất. Nhưng thấy có động xuất tức là thân ứng hóa; Vốn không động mà xuất tức là thân đệ nhất nghĩa của pháp tánh.

